

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 09 NGÀY 20/7/2025



LỊCH THI

Phòng thi	Địa điểm	Thời gian		Ghi chú
		Lý thuyết	Thực hành	
01	Phòng 201B4	7h00'	8h00'	30
02	Phòng 202B4	7h00'	8h00'	30
03	Phòng 203B4	7h00'	8h00'	30
04	Phòng 204B4	7h00'	8h00'	31
05	Phòng 206B4	7h00'	8h00'	34

Ghi chú:

- Thí sinh tập trung tại phòng thi **trước giờ thi 15 phút**
- Thí sinh mang theo Thẻ Sinh viên; CMND (CCCD) để làm thủ tục dự thi
- Trang phục khi dự thi: Nam mặc áo sơ mi bỏ vào quần; Nữ trang phục gọn gàng, nghiêm túc

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	001	0023411028	Nguyễn Thị Thu An	Nữ	Kinh	23/6/2005	An Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
2	002	0024415446	Phan Nguyễn Mỹ An	Nữ	Kinh	04/12/2006	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
3	003	087201000868	Đặng Phú Anh	Nam	Kinh	16/7/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
4	004	0024310032	Lê Thị Quỳnh Anh	Nữ	Kinh	07/01/2006	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
5	005	0022410902	Nguyễn Kiều Anh	Nữ	Kinh	04/8/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
6	006	0022411036	Nguyễn Mai Anh	Nữ	Kinh	17/12/2004	Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
7	007	0022412426	Nguyễn Ngọc Kim Anh	Nữ	Kinh	11/10/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
8	008	0024310038	Nguyễn Ngọc Lan Anh	Nữ	Kinh	31/5/2006	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
9	009	0024419551	Nguyễn Phạm Huỳnh Anh	Nữ	Kinh	08/3/2006	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
10	010	0024415439	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	Kinh	04/11/2003	Long An	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
11	011	0023412309	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	Kinh	29/12/2005	Long An	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
12	012	0024416981	Phạm Tuyết Anh	Nữ	Kinh	05/01/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
13	013	0024415940	Phan Minh Anh	Nữ	Kinh	20/7/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
14	014	0023411344	Trần Thị Vân Anh	Nữ	00	23/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
15	015	0023411697	Phạm Hoài Chương	Nam	Kinh	12/6/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
16	016	0022411204	Phan Thành Công	Nam	Kinh	24/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
17	017	0023411827	Nguyễn Hải Đăng	Nam	Kinh	22/8/1997	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
18	018	087206010797	Phan Nhựt Đăng	Nam	Kinh	15/3/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
19	019	0022410222	Huỳnh Ngọc Diệp	Nữ	Kinh	28/12/2024	An Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
20	020	087305014120	Phan Thị Ngọc Diệp	Nữ	Kinh	03/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
21	021	0023413322	Nguyễn Thủy Dương	Nữ	Kinh	23/5/2005	Long An	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
22	022	0021411232	Lê Hữu Hoàng Duy	Nam	Kinh	31/07/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
23	023	0023412419	Nguyễn Hoàng Bảo Duy	Nam	Kinh	31/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
24	024	0022411293	Nguyễn Thảo Duy	Nam	Kinh	19/4/2000	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
25	025	0024419581	Võ Thị Kim Duyên	Nữ	Kinh	30/6/2006	An Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
26	026	0022410077	Nguyễn Lê Thuý Dy	Nữ	Kinh	15/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
27	027	0022411144	Phạm Hoàng Giang	Nam	Kinh	24/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
28	028	0024415512	Nguyễn Thị Huỳnh Giao	Nữ	Kinh	13/01/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
29	029	87193015052	Nguyễn Thị Song Hà	Nữ	Kinh	30/10/1993	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
30	030	0022412042	Phan Thị Thu Hà	Nữ	Kinh	04/02/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4

Tổng số thí sinh: 30

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSW/ CMND	Họ và Tên		Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	031	0022411322	Huỳnh Võ	Hải	Nam	Kinh	26/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
2	032	0022410453	Lê Thị Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	26/3/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
3	033	087199004151	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	Kinh	17/01/1999	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
4	034	0023411928	Ngô Minh	Hậu	Nam	Kinh	22/12/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
5	035	0022411911	Nguyễn Ngọc	Hiền	Nữ	Kinh	30/12/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
6	036	0019410112	Lâm Thị Ngọc	Hiếu	Nữ	Kinh	20/12/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
7	037	0022411570	Lê Thị Liên	Hồng	Nữ	Kinh	03/02/2000	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
8	038	0022411496	Trần Lê Bích	Hợp	Nữ	Kinh	15/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
9	039	087096000120	Nguyễn Thanh	Huy	Nam	Kinh	19/5/1996	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
10	040	0022410606	Trương Ninh Diệu	Huyền	Nữ	Kinh	13/12/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
11	041	0023413524	Nguyễn Nhật	Huỳnh	Nữ	Kinh	17/11/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
12	042	0022410167	Đặng Hoàng Nhựt	Khang	Nam	Kinh	11/7/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
13	043	0024415743	Lê Đăng	Khoa	Nam	Kinh	21/10/2006	Trà Vinh	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
14	044	0023413236	Phạm Đình	Khoa	Nam	Kinh	16/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
15	045	0022412528	Huỳnh Anh	Kiệt	Nam	Kinh	24/3/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
16	046	0022412605	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	Kinh	08/6/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
17	047	0022410926	Trần Nguyễn Trúc	Lam	Nữ	Kinh	07/12/2004	Cà Mau	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
18	048	0021410358	Nguyễn Thanh	Lâm	Nam	Kinh	11/9/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
19	049	0024415744	Trương Thị Kim	Liên	Nữ	Kinh	07/10/2006	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
20	050	087305007285	Huỳnh Ngọc	Linh	Nữ	Kinh	24/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
21	051	0023413080	Lê Thuý	Linh	Nữ	Kinh	05/02/2005	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
22	052	0023412120	Nguyễn Thị Kim Huyền	Linh	Nữ	Kinh	02/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
23	053	0024416666	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	Kinh	18/02/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
24	054	0022411607	Nguyễn Yến	Linh	Nữ	Kinh	25/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
25	055	0022411426	Nguyễn Trọng	Lộc	Nam	Kinh	04/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
26	056	0022412614	Nguyễn Thị	Lợi	Nữ	Kinh	28/3/2004	Campuchia	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
27	057	0021411438	Nguyễn Minh	Luân	Nam	Kinh	11/9/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
28	058	87187017577	Nguyễn Thị Kim	Mai	Nữ	Kinh	01/01/1987	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
29	059	0022410842	Phan Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	Kinh	23/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
30	060	0022412459	Trần Anh	Mến	Nam	Kinh	25/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4

Tổng số thí sinh: 30



DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	061	0019410164	Nguyễn Trần Bảo Minh	Nam	Kinh	18/10/1997	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
2	062	0024416186	Nguyễn Trọng	Nam	Kinh	03/01/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
3	063	0024418415	Lê Thị Ngân	Nữ	Kinh	14/9/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
4	064	0023412147	Lê Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	06/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
5	065	0024417154	Nguyễn Huỳnh Triệu	Nữ	Kinh	17/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
6	066	0023413496	Nguyễn Kim Ngân	Nữ	Kinh	07/01/2005	Hậu Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
7	067	0024415812	Phạm Thị Thanh Ngân	Nữ	Kinh	27/01/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
8	068	0023412612	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam	Kinh	14/3/2005	Long An	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
9	069	0023413532	Trần Như Ngọc	Nữ	Kinh	30/9/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
10	070	0023410163	Đoàn Sĩ Nguyên	Nam	Kinh	30/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
11	071	0023410103	Võ Nguyễn Minh Nguyệt	Nữ	Kinh	15/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
12	072	0023411939	Lê Thành Nhân	Nam	Kinh	25/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
13	073	0022411371	Huỳnh Thị Thanh Nhi	Nữ	Kinh	26/5/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
14	074	0023413071	Phạm Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	10/6/2005	Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
15	075	0024416878	Trần Thị Xuân Nhi	Nữ	Kinh	02/8/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
16	076	087302000862	Trần Tuyết Nhi	Nữ	Kinh	30/01/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
17	077	0023412359	Lý Ngọc Như	Nữ	Kinh	10/9/2005	Cần Thơ	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
18	078	0023310051	Nguyễn Hồng Ngọc Như	Nữ	Kinh	21/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
19	079	0021310096	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Nữ	Kinh	21/01/2003	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
20	080	0024417208	Nguyễn Thị Ngọc Như	Nữ	Kinh	05/7/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
21	081	0023410918	Nguyễn Thị Tâm Như	Nữ	Kinh	05/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
22	082	0023412790	Châu Thị Nhường	Nữ	Kinh	15/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
23	083	0024416293	Phan Vĩnh Phú	Nam	Kinh	15/02/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
24	084	0021411649	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	Kinh	02/04/2003	Long An	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
25	085	0020411297	Nguyễn Tấn Phúc	Nam	Kinh	09/7/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
26	086	0022410202	Trần Song Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	23/4/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
27	087	0024416456	Nguyễn Đỗ Duy Phương	Nam	Kinh	22/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
28	088	0023410434	Huỳnh Thị Mỹ Quý	Nữ	Kinh	21/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
29	089	0023410356	Đỗ Lê Thảo Quyên	Nữ	Kinh	13/6/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
30	090	0024417019	Nguyễn Thị Kiều Quyên	Nữ	Kinh	24/8/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4

Tổng số thí sinh: 30



DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	091	0023410705	Phan Thị Hương	Quỳnh	Nữ	Kinh	09/10/2005	Long An	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
2	092	0022410905	Huỳnh	Tài	Nam	Kinh	19/8/2004	Hậu Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
3	093	0022412461	Đỗ Trần Hữu	Tấn	Nam	Kinh	04/9/2004	Long An	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
4	094	0022411368	Nguyễn Hoàng Phúc	Thái	Nam	Kinh	03/01/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
5	095	0023413527	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	Kinh	25/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
6	096	0024416467	Phạm Thị Xuân	Thắm	Nữ	Kinh	09/3/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
7	097	0024419311	Phạm Thị Ngọc	Thắm	Nữ	Kinh	06/11/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
8	098	0024415542	Nguyễn Nhựt	Thanh	Nam	Kinh	14/02/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
9	099	0024415409	Dương Thị Thanh	Thảo	Nữ	Kinh	29/12/2006	Tây Ninh	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
10	100	0023413754	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	Nữ	Kinh	04/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
11	101	0023410216	Lê Thanh	Thảo	Nữ	Kinh	15/6/2005	Long An	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
12	102	0022410455	Trần Phước	Thịnh	Nam	Kinh	22/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
13	103	087097013497	Võ Phúc	Thịnh	Nam	Kinh	12/6/1997	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
14	104	0024417438	Huỳnh Thị Diễm	Thơ	Nữ	Kinh	27/01/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
15	105	0020410651	Nguyễn Anh	Thơ	Nữ	Kinh	09/01/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
16	106	0024416609	Trần Thị Kim	Thoa	Nữ	Kinh	30/12/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
17	107	0023413190	Đoàn Gia	Thông	Nam	Kinh	12/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
18	108	0022412218	Nguyễn Thắng Nhựt	Thông	Nam	Kinh	03/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
19	109	0022410559	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Nữ	Kinh	21/3/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
20	110	0022412387	Nguyễn Thị Cẩm	Thư	Nữ	Kinh	10/11/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
21	111	0024415510	Phạm Thị Anh	Thư	Nữ	Kinh	20/9/2005	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
22	112	0024415734	Phan Lê Minh	Thư	Nữ	Kinh	11/7/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
23	113	0023413478	Trần Ngọc Anh	Thư	Nữ	Kinh	28/9/2005	Trà Vinh	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
24	114	0022412425	Đỗ Hoàng Ka	Thy	Nữ	Kinh	22/02/2004	Long An	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
25	115	0023410887	Nguyễn Thị Kim	Tiền	Nữ	Kinh	12/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
26	116	0022412482	Tô Thành	Tín	Nam	Kinh	29/4/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
27	117	0023410285	Nguyễn Hoài Bích	Trâm	Nữ	Kinh	14/3/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
28	118	0024416843	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	14/4/2006	Cà Mau	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
29	119	0024416934	Ngô Thị Ngọc	Trân	Nữ	Kinh	22/3/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
30	120	0022410446	Nguyễn Thị Huyền	Trân	Nữ	Kinh	03/3/2004	An Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
31	121	087303009540	Lê Thị Đoan	Trang	Nữ	Kinh	24/7/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4

Tổng số thí sinh: 31



DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UD CNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	122	0021413863	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	Nữ	Kinh	09/10/2002	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
2	123	0024416292	Phạm Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	Kinh	26/02/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
3	124	0022411156	Nguyễn Hiếu	Trọng	Nam	Kinh	25/3/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
4	125	0023411254	Dương Thanh	Trúc	Nữ	Kinh	21/7/2005	An Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
5	126	0023412903	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	Kinh	27/7/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
6	127	0024416277	Nguyễn Tấn	Trường	Nam	Kinh	28/6/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
7	128	0022412495	Nguyễn Văn	Trường	Nam	Kinh	02/8/2004	Long An	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
8	129	0022412240	Nguyễn Hoàng	Tú	Nam	Kinh	10/11/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
9	130	0022410818	Trần Thị Cẩm	Tú	Nữ	Kinh	20/01/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
10	131	0022411251	Lê Anh	Tuấn	Nam	Kinh	21/4/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
11	132	0022411338	Dương Hoài	Ứng	Nam	Kinh	25/11/2003	Cà Mau	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
12	133	0023411639	Đào Ngọc Tường	Vi	Nữ	Kinh	28/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
13	134	0022410483	Nguyễn Mai	Vi	Nữ	Kinh	14/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
14	135	0023411096	Võ Diệp Mai	Vi	Nữ	Kinh	31/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
15	136	0022411250	Nguyễn Phạm Hữu	Vinh	Nam	Kinh	11/7/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
16	137	0023410549	Võ Văn	Vũ	Nam	Kinh	24/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
17	138	0024417040	Bùi Thị Yến	Vy	Nữ	Kinh	20/02/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
18	139	0024415792	Nguyễn Hoàng Thúy	Vy	Nữ	Kinh	02/8/2006	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
19	140	0024415738	Phạm Thị Tường	Vy	Nữ	Kinh	19/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
20	141	0023411702	Trần Lê Thuý	Vy	Nữ	Kinh	25/10/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
21	142	0023412484	Trần Võ Tường	Vy	Nữ	Kinh	29/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
22	143	0024416784	Nguyễn Lê Như	Ý	Nữ	Kinh	31/10/2006	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
23	144	0023412603	Phan Thị Như	Ý	Nữ	Kinh	28/6/2005	Long An	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
24	145	0024416464	Lê Thị Kim	Yến	Nữ	Kinh	02/11/2006	Long An	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
25	146	0022310017	Trần Thị Hồng	Diệp	Nữ	Kinh	19/6/2004	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
26	147	0022411761	Hồ Thị	Diệu	Nữ	Kinh	05/11/2004	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
27	148	0022412634	Phạm Thị Thùy	Dương	Nữ	Kinh	26/3/2004	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
28	149	0021410324	Đinh Đăng	Khoa	Nam	Kinh	07/12/2003	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
29	150	0021411268	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	04/4/2003	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
30	151	0022411505	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	Kinh	01/9/2004	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
31	152	0021413651	Nguyễn Ngọc Như	Yên	Nữ	Kinh	14/12/2003	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
32	153	0022310051	Trần Thị Thuý	Linh	Nữ	Kinh	28/11/2004	Đồng Tháp		08h00'		206- B4
33	154	0020310056	Trương Thị Mỹ	Tiên	Nữ	Kinh	21/7/2002	Đồng Tháp		08h00'		206- B4
34	155	0021413686	Đặng Như	Ý	Nữ	Kinh	22/10/2003	Cà Mau		08h00'		206- B4

Tổng số thí sinh: 34